

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM LỚP MẪU GIÁO LỚN
NĂM HỌC: 2024-2025

TT	Mục tiêu	Nội dung	Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh bổ sung
I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT				
a. Phát triển vận động				
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp				
1	<p>- Thực hiện đúng, thuần thục các động tác, bài tập thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc, bài hát bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.</p>	<p>- Hô hấp: Hít vào, thở ra. Tay: + ĐT 1: Đưa tay ra phía trước, sau. + ĐT 2: Đưa tay ra phía trước, sang ngang. + ĐT 3: Đánh xoay tròn hai cánh tay (cuộn len) + ĐT 4: Đánh chéo hai tay ra hai phía trước, sau. + ĐT 5: Luân phiên từng tay đưa lên cao. - Lung, bụng, lườn. + ĐT 1: Đứng cúi về trước. + ĐT 2: Đứng quay người sang bên.</p>	- 1->10	

		<ul style="list-style-type: none"> + ĐT 3 nghiêng người sang bên. + ĐT 4: Cúi về trước, ngửa ra sau. + ĐT 5: Quay người sang bên - Chân: + ĐT 1: Khuyu gối + ĐT 2: Bật, đưa chân sang ngang. + ĐT 3: Đưa chân ra các phía. + ĐT 4: Nâng cao chân, gập gối. + ĐT 5: Bật về các phía. 		
--	--	--	--	--

2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động.

2	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. + Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. + Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy: + Đi bằng mép ngoài bàn chân -1 + Đi trên dây - 8 + Đi nổi bàn chân tiến, lùi - 8 + Đi trên ghế thể dục, đầu đội túi cát -7 - Đi trên ván kê dốc -10 - Đi khuyu gối - 5 		
3	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ kiểm soát được vận động: + Đi, chạy thay đổi tốc độ, đổi hướng, dích dắc theo 	<ul style="list-style-type: none"> + Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - 2 - Đi thay đổi hướng dích dắc theo hiệu - 3 		

	hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).	lệnh. - Chạy thay đổi hướng đích dắc theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi tốc độ hiệu lệnh. + Chạy chậm 100 - 120m.	-9 - 4 - 10	
4	- Trẻ bật xa tối thiểu 50 cm (BC)	+ Bật xa 50cm. + Bật liên tục vào vòng. + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản 15 - 20cm.	- 4 - 2 - 5 - 7	
5	+ Trẻ nhảy được xuống từ độ cao 40 cm. (BC)	- Bật - nhảy từ trên cao xuống 40cm	-3	
6	+ Trẻ biết trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất.(BC)	+ Trèo lên xuống 7 giống thang.	- 5	
7	- Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: + Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). + Trẻ biết ném trúng đích đứng (xa 1,5 m, xa 2m). + Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp.	- Tung, ném, bắt: Tung bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném xa bằng 2 tay. + Tung bóng lên cao và bắt. - Chuyên, bắt bóng qua đầu	-8 - 3 -7 - 1 - 4	

		- Chuyên, bắt bóng qua chân. + Đi và đập bắt bóng.	-7 -9	
8	+ Trẻ biết nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục đổi chân theo yêu cầu (BC)	+ Nhảy lò cò 5m	- 6	
9	- Trẻ thể hiện được sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Trẻ chạy được liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 5-7 giây. + Trẻ biết ném trứng dích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). + Bò vòng qua 5 - 6 điểm dích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.	+ Chạy 18m trong khoảng 10 giây. + Ném trứng dích bằng 1 tay + Ném trứng dích bằng 2 tay + Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m. + Bò dích dắc qua 7 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5mx 30cm.	- 6 - 5 - 6 - 1 - 2 - 4 - 3	
10	- Trẻ tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút (BC)	- Tập trung chú ý. - Tham gia hoạt động tích cực. - Không có biểu hiện mệt mỏi như ngáp ngủ, ngủ gật.	1->10	
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt.				
11	- Trẻ thực hiện được các vận động:	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và	- 1,2,3	

	<ul style="list-style-type: none"> + Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. + Gập, mở lần lượt từng ngón tay. 	<ul style="list-style-type: none"> cổ tay. - Bẻ, nắn. 		
12	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. + Cắt được theo đường viền của hình vẽ. + Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. + <i>Trẻ biết tô kín màu không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ (BC)</i> + Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. + Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mớ tuya) + <i>Tự mặc và cởi được áo (BC)</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. + <i>Trẻ biết tô kín màu không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ (BC)</i> - Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mớ tuya), xâu, luồn, buộc dây. + <i>Tự mặc và cởi được áo (BC)</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - 4 - 5 - 6 - 3,8,9,10 - 7 - 1,2,5,7,9 	
b. Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe.				
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe				
13	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. 	<ul style="list-style-type: none"> Khám sức khỏe định kì. - Đo chiều cao cân nặng theo dõi biểu đồ tăng trưởng 	1, 3 ,6, 10	

14	<p>- Trẻ lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:</p> <p>+ Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá...</p> <p>+ Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...</p>	<p>- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.</p>	1,2,3	
15	<p>- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...</p>	<p>- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống mang đặc trưng của địa phương.</p> <p>- Kể tên được một số món ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày của gia đình (BC)</p>	- 4,5,6	
16	<p>- Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe</p>	<p>Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).</p> <p>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.</p> <p>- Nhận biết 1 số thói quen tốt trong khi ăn uống không cười đùa nói chuyện</p>	<p>- 2</p> <p>- 4</p> <p>- 2,3,5,7</p>	

		<p><i>trong khi ăn uống (BC)</i></p> <p>- Nhận biết thức ăn có mùi ôi quả thối, rượu, bia, thuốc lá có hại sức khỏe. (BC)</p>	- 2,3,5,7	
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt				
17	<p>- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản:</p> <p>+ Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.</p> <p>+ Trẻ biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.</p> <p>+ Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.</p> <p>+ <i>Trẻ biết giữ đầu tóc quần áo gọn gàng (BC)</i></p>	<p>- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.</p> <p>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách biết đi xong dội nước cho sạch .</p> <p>- Biết tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn, lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết.</p> <p>- <i>Tập luyện kỹ năng chải đầu tóc mặc quần áo gọn gàng (BC)</i></p> <p>- <i>Tự thay quần áo khi bị ướt (BC)</i></p>	<p>1</p> <p>- 2</p> <p>- 3</p> <p>- 1,5,7</p> <p>- 1,5,7</p>	
18	<p>- Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.</p>	<p>- <i>Tự xúc cơm ăn gọn gàng chan canh vào bát biết lấy cốc giót</i></p>	1,2,3	

		<i>nước không làm rơi vãi.</i>		
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe				
19	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: + Trẻ biết mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. + Trẻ không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. + Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường - <i>Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe (BC)</i> 	<ul style="list-style-type: none"> 1 2 4 5,7 2,5,7 	
20	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: + Trẻ biết vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy + Trẻ biết ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. + Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... + Trẻ biết che miệng khi ho, 	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. - <i>Lấy tay che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp (BC)</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 - 4 - 9 - 2,5 	

	<p>hắt hơi.</p> <p>+ Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p> <p>+ Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.</p>			
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.				
21	<p>- Trẻ biết được bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.</p>	<p>Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng bếp đun, dao, kéo.</p>	1,3,2	
22	<p>- Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.</p>	<p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ</p>	- 9	
23	<p>- Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:</p> <p>+ Trẻ biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,....</p> <p>+ Trẻ biết không tự ý uống thuốc.</p> <p>+ Trẻ biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt</p>	<p>- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,....</p> <p>+ Không tự ý uống thuốc.</p> <p>+ Không ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức</p>	-1,2, 6,7,8	

	cho sức khoẻ.	khỏe. - <i>Biết hút thuốc lá có hại và không lại gần người hút thuốc(BC)</i>	- 2,5,7	
24	<p>- Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.</p> <p>+ Trẻ biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu</p> <p>+ Trẻ biết tránh một số trường hợp không an toàn:</p> <p>+ Trẻ biết là không theo khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.</p> <p>+ Trẻ không được ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.</p> <p>+ Trẻ biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.</p>	<p>- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu</p> <p>- Biết tránh một số trường hợp không an toàn:</p> <p>+ Biết là không theo khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.</p> <p>+ Không được ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.</p> <p>- Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.</p> <p>- (<i>111 bảo vệ trẻ em: 112 tìm kiếm</i></p>	1,3,5,7,2	

		<i>cứu nạn: 113 công an: 114 cứu hỏa: 115 cứu thương) gọi người lớn cứu khi xảy ra thiên tai: mưa đá, nước lũ, sạt lở đất (BC)</i>		
25	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: + Trẻ biết sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. + Trẻ biết đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. + Trẻ biết không nên leo trèo cây, ban công, tường rào... 	<ul style="list-style-type: none"> - không tự ý đi ra khỏi nhà mà chưa được sự cho phép của bố mẹ. - Đi bộ đi sát vào mép đường bên phải, khi sang đường phải có người lớn dắt, đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông. - Không trèo cây, tường rào, xô đẩy, nô nghịch ở các lan can nhà sàn của trẻ. 	4 6 8	

II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

a. Khám phá khoa học

1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng

26	<i>- Trẻ biết gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung</i>	<i>- Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung.</i>	- 5,6,7	
27	<i>- Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại</i>	<i>Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.</i> <i>- Các nguồn nước</i>	- 2 - 9	

	sao có mưa?...	<p>trong môi trường sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. 	<p>- 5,7</p> <p>- 9</p> <p>- 9</p>	
28	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng. - Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm (BC) 	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả,... <i>Steam (Dự án: "Một số loại quả" 5E)</i> - Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các mùa trong năm (BC) - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật, cây theo mùa. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ 	<p>- 2,3,6,7,9</p> <p>- 7</p>	

		<p>chơi.</p> <p><i>Steam (Dự án: "Đồ dùng gia đình" 5E)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm, cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. <p><i>Steam (Dự án: "Đồ dùng gia đình" 5E)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng các giác quan và bộ phận khác của cơ thể. 	<p>- 3</p> <p>- 3</p>	
29	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của 1 số loại cây, con vật. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ 	- 5,7,9	

		nguồn nước.		
30	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật.	- 8	
31	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau. - Trẻ nói được đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống (BC)	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. <i>Steam (Dự án: "Đồ dùng gia đình" 5E)</i> - Phân loại các phương tiện giao thông theo 1 - 2 dấu hiệu - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. <i>Steam (Dự án: "Một số loại quả" 5E)</i> - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. - Đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm ở địa phương.	1, 3 3 - 8 5,7 7 - 9 - 9	
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.				
32	- Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: "Nắp cốc có những giọt	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi	- 5,7,3	

	nước do nước nóng bốc hơi”.	trường sống - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.		
33	- Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- 9	
34	- Trẻ dự đoán được một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.(BC)	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa tại địa phương. - Dự đoán được một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.	- 9	
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau				
35	- Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. <i>Steam (Dự án: "Một số loại quả" 5E)</i> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.	- 5,7 - 5,7 7 1,3	

		<p><i>Steam (Dự án: "Đồ dùng gia đình" 5E)</i></p> <p>- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi</p> <p><i>Steam (Dự án: "Đồ dùng gia đình" 5E)</i></p> <p>- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trăng, mặt trời</p>	3 - 1,3 3 9	
36	- Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	1->10	
<i>b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i>				
1. Nhận biết số đếm, số lượng				
37	- Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	- Biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	1,4,5,6,7, 10	
38	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	-1,4,5,6,7, 10	
39	- Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều	- Biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và	1,4,5,6,7, 10	

	nhất, ít hơn, ít nhất.	nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.		
40	- Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	1,4,5,6,7, 10	
41	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	- Biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	1,4,5,6,7, 10	
42	- Trẻ nhận biết được các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.	1,4,5,6,7, 10	
43	Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày(số điện thoại, biển số xe, ngày trên lịch....)	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số điện thoại, biển số xe, ngày trên lịch....)	1,4,5,6,7, 10	
2. Sắp xếp theo quy tắc				
44	- Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	- 8	
45	- Trẻ nhận ra được qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.			
46	- Trẻ biết sáng tạo ra mẫu	Tạo ra qui tắc sắp xếp.	- 8	

	sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.	- 1	
3. So sánh 2 đối tượng				
47	- Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	- 7 - 10 - 9	
4. Nhận biết hình dạng				
48	- Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau. - Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	- 3 - 8 - 8	
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian				
49	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước -	- 2	

	đồ vật so với vật làm chuẩn.	phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.		
50	- Trẻ phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.	- 9	
51	- Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Gọi tên các thứ trong tuần.	- 9	
c) Khám phá xã hội				
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng				
52	- Trẻ biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói được thông tin quan trọng của bản thân: Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	- 2	
53	- Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.(địa chỉ, số điện thoại) của người thân	- Nói được thông tin của các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; (địa chỉ, số điện thoại) của người thân	- 3	
54	- Trẻ nói địa chỉ gia đình mình	- Địa chỉ gia đình	- 3	

	(đội, bản /thôn, xóm, tên xã), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.	(đội, bản /thôn, xóm, tên xã), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.		
55	- Trẻ biết nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non;	- 1	
56	- Trẻ biết nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên công việc của cô giáo và các cô bác trong trường.	- 1	
57	- Trẻ biết nói tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Biết nói tên, đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	- 1	
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương				
58	- Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương: “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”	- 4	
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh.				
59	- Trẻ tham gia một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ	- Biết tham gia một số lễ hội và nói được đặc điểm nổi	1,4,6, 10	

	nói: “Khai giảng, tết trung thu, tết mông, tết nguyên đán, lễ hội hoa ban”.	bật của những dịp lễ hội “Khai giảng, tết trung thu, tết mông, tết nguyên đán, lễ hội hoa ban”. sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. - Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước (Ngày khai giảng, tết trung thu, Tết mông)		
60	Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh	10	
III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ				
1. Nghe hiểu lời nói.				
61	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp bằng tiếng việt.	4,5,6	
62	- Trẻ hiểu nghĩa một số từ khái quát đơn giản, gần gũi: cây, hoa, quần áo, đồ chơi, hoa, quả, phương tiện giao thông, động vật, thực vật,	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa, chỉ sự vật hiện tượng đơn giản, gần gũi: cây, hoa, quần	1,2,3,4,5,6 ,7,8,9,10	

	đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,..) (TCTV: Trẻ nói được các từ mẫu câu mới ...).	áo, đồ chơi, hoa, quả, phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,..) (TCTV: Trẻ nói được các từ mẫu câu mới...).		
63	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. - Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động (BC) - Trẻ nghe hiểu nội dung câu truyện, thơ, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ (BC) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát quen thuộc của địa phương như: xòe hoa, inh lá ơi, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp. 	1,3,5 2,4,6 7,8,9,10 1->10	
2.Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày				
64	- Trẻ kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào	- Kể lại sự việc theo trình tự.	1,2,3,4,5	

	đó để người nghe có thể hiểu được bằng tiếng việt.	- Kể lại truyện đã được nghe.	6,7,8,9,10	
65	- Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh bằng tiếng việt.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.	2,3,4	
66	- Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh TCTV dạy trẻ từ mới, câu mới	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau TCTV dạy trẻ từ mới câu mới.....	1->10	
67	- Trẻ miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	- Kể lại sự việc theo trình tự.	- 5-> 10	
68	Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao...	Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->10	
69	- Trẻ kể có thay đổi 1 vài tình tiết như thay đổi nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện....trong nội dung	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. - Kể truyện theo đồ	1->10	

	truyện.	vật, theo tranh.		
70	- Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện	- Đóng kịch theo sự hướng dẫn của cô.	7,8,9	
71	- Trẻ biết sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.	1,2,3	
72	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	4	
3. Làm quen với việc đọc – viết				
73	- Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem.	- Đọc truyện qua các tranh vẽ. - Xem và nghe đọc các loại sách, truyện gần gũi với trẻ. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn bảo vệ sách	1->10	
74	- Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.	- 6,7,8,8, 10	
75	- Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ	1->10	

		dòng trên xuống dòng dưới.		
76	- Trẻ nhận ra được kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	1,8,9,10	
77	- Trẻ nhận dạng được các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt. - Trẻ thích đọc những chữ cái đã biết trong môi trường xung quanh (BC)	- Nhận dạng các chữ cái. - Tìm, kiếm chữ cái trong từ, tiếng.	1->10	
78	- Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Trẻ có hành vi giữ gìn bảo vệ sách (BC)	- Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Giữ gìn, bảo vệ sách	1->10	
IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI				
1. Thể hiện ý thức về bản thân.				
79	- Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Nói được thông tin quan trọng của bản thân và gia đình: họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	2,3	

80	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Sở thích (ăn uống, các hoạt động), khả năng của bản thân(có thể làm được gì, không thể làm được gì...)	2,4	
81	- Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng). - <i>Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân (BC)</i>	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.(sở thích, khả năng của bản thân) - Ứng xử phù hợp với giới tính (bạn trai nhường bạn gái, biết tự đi vệ sinh, thay quần áo nơi kín đáo, chú ý động tác khi mặc váy...)	2 2,3	
82	- Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	3	
83	- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức. - Biết giúp cô giáo, bố mẹ công việc vừa sức: quét nhà, quét lớp, kê bàn ghế, phơi khăn.....	1 - 3	
2. Thể hiện sự tự tin tự lực				
84	- Trẻ biết tự làm một số việc	Chủ động và độc lập	1->10	

	<p>đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).</p> <p>- Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân (BC)</p>	<p>trong một số hoạt động.</p> <p>- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.</p> <p>- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi, kê bàn, rửa tay, rửa mặt...).</p>		
85	- Trẻ biết cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Cố gắng thực hiện công việc đến cùng như (hoàn thành sản phẩm tạo hình, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng)	-2,4,5,6	
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh				
86	- Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.	- 2,4,7,8	
87	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	-2, 9,10	
88	- Trẻ biết an ủi và chia vui	- Mối quan hệ giữa	- 2,3,4,5	

	với người thân và bạn bè.	hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.		
89	Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Bác Hồ kính yêu .	- 10	
90	- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. <i>Trẻ học tập và làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh</i>	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- 10	
91	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử (Đài tưởng niệm, bảo tàng..) , lễ hội(Lễ hội hoa ban..) và một vài nét văn hóa truyền thống: trang phục (áo cóm, khăn piêu...), món ăn(Cơm lam ...) của địa phương	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, Đài tưởng niệm, bảo tàng..) , lễ hội(Lễ hội hoa ban..) và một vài nét văn hóa truyền thống: trang phục (áo cóm, khăn piêu...), món ăn(Cơm lam ...) của địa phương.	1,4,6,10	
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội				
92	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng	1,3	

	định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình (Vâng lời ông bà bố mẹ, anh chị khi muốn đi chơi) - Biết giúp cô giáo, bố mẹ công việc vừa sức: Quét nhà, quét lớp, phơi khăn, kê bàn ghế,...)	3 - 1	
93	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.	1,3,7,8,9	
94	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Chú ý lắng nghe ý kiến của người khác,	1,2,3	
95	- Trẻ biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận với bạn: Xếp hàng rửa tay, khi thực hiện các công việc được giao....	6,7,8	
96	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ	Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn khi bạn	1->3	

	kinh nghiệm với bạn.	bị ngã, giúp đỡ các em bé hơn mình.....		
97	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	3->10	
98	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận, nhường nhịn).	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	- 1->10	
99	- Trẻ không nói tục, chửi bậy (BC)	- Không nói tục chửi bậy	- 5->10	
100	- Trẻ dễ hòa đồng với các bạn trong nhóm chơi (BC)	- Trẻ biết thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè. - Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn. - Giải quyết mâu thuẫn giữa các bạn. - Nhường nhịn bạn - Lắng nghe ý kiến của người khác.	- 1->10	
101	- Trẻ biết quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn. (BC)	- Thể hiện bằng lời nói, hành động về sự công bằng trong nhóm bạn bè	- 1->10	
102	- Trẻ chủ động giao tiếp với	- Giao tiếp với	- 5->10	

	<i>bạn bè và người lớn gần gũi (BC)</i>	những người xung quanh (Bắt chuyện, giao tiếp, trò chuyện, trao đổi hoặc kéo dài được cuộc trò chuyện.) - Trả lời các câu hỏi trong giao tiếp.		
103	- Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi (BC)	Chia sẻ, trao đổi với bạn về cảm xúc, kinh nghiệm, chuyện vui, chuyện buồn của bản thân. - Trao đổi, hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm. - Vui vẻ, chia sẻ, đồ chơi với bạn	- 3->10	
104	- Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác (BC)	- Mọi quan hệ hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	- 5->10	
5. Quan tâm đến môi trường				
105	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	5,7	
106	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	Giữ gìn vệ sinh môi trường (Không xả rác vứt rác bừa bãi, bẻ hái hoa....)	6,7,9	
107	- Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa	- Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường	1,6,7,9	

	bãi, bẻ cành, hái hoa...).	(không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).		
108	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	Tiết kiệm điện, nước (tắt quạt tắt điện khi không dùng, khi ra khỏi phòng, biết khoá vòi nước sau khi rửa tay, rửa mặt, ...)	3,9	
109	`Dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi	- Dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi	2->10	
110	`Trẻ chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi	- Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi	2->10	
111	`Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác biết chơi đoàn kết, không tranh giành đồ chơi, đánh bạn.....	- Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác, biết chơi đoàn kết biết nhường bạn, giúp đỡ bạn khi bạn cần, không tranh giành đồ chơi, đánh bạn...	2->10	
112	`Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết	- Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.	6->10	
113	- <i>Trẻ nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường (BC)</i>	- Quan sát, nhận biết, phân biệt được hành vi đúng hoặc sai của con người	- 1->10	

		đôi môi trường bằng lời nói.		
V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ				
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật				
114	- Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	1->10	
115	- Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện .	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	1->10	
116	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	- Biết thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo	1->10	

		hình. <i>Steam (Dự án: "Một số đồ dùng gia đình" EDP)</i> <i>Steam (Dự án: "một số loại quả" EDP)</i>	3 7	
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình				
117	- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1->10	
118	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu bài múa của vùng miền và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	1->10	
119	- Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu của địa phương tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ nguyên vật liệu của địa phương như:	1->10	

		<p>Rơm, rạ, hạt ngô, hạt đỗ, lá cây....., phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích</p> <p><i>Steam (Dự án: "Một số đồ dùng gia đình" EDP)</i></p> <p><i>Steam (Dự án: "một số loại quả" EDP)</i></p>	3	
120	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Có kỹ năng vẽ nét xiên, nét thẳng, nét xiên, nét ngang, nét cong tròn, nét cong nhọn, đường dích dắc. Vẽ bút chì, bút sáp, màu nước, vẽ đường nét/ vẽ bản màu.....	1->10	
121	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Cắt: Cắt đường thẳng, đường cong, đường cong, đường dích dắc... <i>Steam (Dự án: "Một số đồ dùng gia đình" EDP)</i> - Xé: xé dải, xé vụn, xé mảng, xé theo đường bao, dích dắc, đường cong tròn, đường cong nhọn	1->10 3	

		- Dán: Kỹ năng lấy/ phết hồ, đặt đúng vị trí <i>Steam (Dự án: "Một số đồ dùng gia đình" EDP)</i>	3	
122	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	- Nặn: xoay tròn, lăn dọc, ấn dẹt, làm lõm, bẻ loe, nắn, vuốt nhọn, uốn cong, véo, vuốt, miết, ấn bằng bàn tay.... <i>Steam (Dự án: "một số loại quả" EDP)</i>	1->10 7	
123	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	1->10	
124	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục. <i>Steam (Dự án: "Một số đồ dùng gia đình" EDP)</i> <i>Steam (Dự án: "một số loại quả" EDP)</i>	1->10 3 7	
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).				

125	- Trẻ biết tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.	1->10	
126	- Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	1->10	
127	- Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng của mình. <i>Steam (Dự án: "Một số đồ dùng gia đình" EDP)</i> <i>Steam (Dự án: "một số loại quả" EDP)</i>	1->10 3 7	
128	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của hình. <i>Steam (Dự án: "Một số đồ dùng gia đình" EDP)</i> <i>Steam (Dự án: "một số loại quả" EDP)</i>	1->10 3 7	

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Thủy

Lê Thị Diệp

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG**TRƯỜNG MẦM NON TÀI DÌNH****DỰ KIẾN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ NĂM HỌC 2024 – 2025****LỚP MẪU GIÁO LỚN****(35 tuần thực học)**

stt	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian	Lễ hội	Điều chỉnh BS
<i>Ngày 06/9/2024 đón trẻ rèn nề nếp, lễ giáo</i>						
1	Trường MN (3 tuần)	- Trường mầm non của bé	1	9/9 - 13/9/2024	Ngày hội bé đến trường	
		- Bé vui trung thu	1	16/9 - 20/9/2024	Ngày hội trăng rằm	
		- Lớp học của bé	1	23/9 – 27/9/2024		
2	Bản thân (3 tuần)	Bé giới thiệu về bản thân	1	30/9- 04/10/2024		
		Cơ thể kỳ diệu của bé	1	07/10 - 11/10/2024		
		Bé cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh	1	14/10 - 18/10/2024	Ngày HLHPN 20/10	
3	Gia đình của bé (04 tuần)	Những người thân yêu của bé	2	21/10 - 01/11/2024		
		- Ngôi nhà của gia đình bé	1	04/11 – 8/11/2024		
		- Steam: Dự án đồ dùng gia đình	1	11/11 - 15/11/2024		
4	Nghành nghề (04 tuần)	Ngày hội của thầy cô	1	18/11 - 22/11/2024	Ngày nhà giáo VN 20/11	
		- Bé tìm hiểu về	1	25/11 - 29/11/2024		

		nghề nông				
		- Bé tìm hiểu nghề y	1	02/12 - 06/12/2024		
		- Bé tìm hiểu về nghề phổ biến	1	9/12 - 13/12/2024		
5	Thế giới động vật (04 tuần)	- Một số con vật sống trong gia đình.	1	16/12 - 20/12/2024	Ngày quân đội nhân dân VN 22/12	Kết thúc Học kỳ I
		- Một số con vật sống trong rừng.	1	23/12 - 27/12/2024		
		- Một số con vật sống dưới nước.	1	30/12 - 03/01/2025		
		- Bé tìm hiểu một số con côn trùng và chim	1	06/01 - 10/01/2025		
Soạn ôn học kỳ I 13/1 – 17/1/2025						
6	Tết và mùa xuân (03 tuần)	Bé tìm hiểu về tết Nguyên Đán	1	20/01 - 24/01/2025	Bé vui đón tết, tổ chức hoạt động cho trẻ đón tết	Tái giảng học kỳ II
		Nghỉ tết Nguyên Đán 27/01 - 31/01/2025				
		Mùa xuân trên bản làng	1	03/02 – 07/02/2025		
		Lễ hội mùa xuân	1	10/02 – 14/02/2025		
7	Thế giới thực vật	- Bé tìm hiểu về cây xanh	1	17/02 – 21/02/2025		
		- Một số loại hoa	1	24/02 – 28/02/2025		
		- Steam: Dự án	1	3/3 - 7/3/2025	Ngày quốc	

	(04 tuần)	một số loại quả			tế phụ nữ 8/3	
		- Một số loại rau	1	10/3 – 14/3/2025		
8	Một số PTGT (03 tuần)	- Một số PT và QĐGT đường bộ	1	17/3 – 21/3/2025		
		- Một số PTGT đường thủy	1	24/3 - 28/3/2025		
		- Một số PTGT đường hàng không		31/3 - 04/4/2025		
9	Nước và các HTTN (03 tuần)	- Bé tìm hiểu nước và ích lợi của nước	1	07/4 – 11/4/2025		
		- Bé tìm hiểu một số hiện tượng tự nhiên	1	14/4 - 18/4/2025		
		- Bé tìm hiểu các mùa trong năm	1	21/4 - 25/4/2025		
10	QH - ĐN - BH - Trường tiểu học (4 tuần)	- Quê hương Điện Biên của bé	1	28/4 – 02/5/2025	Giải phóng MN thống nhất đất nước	
		Đất nước Việt Nam	1	05/05 – 09/5/2025	Chiến thắng ĐBP	
		- Bác Hồ kính yêu	1	12/5 – 16/5/2025		
		- Bé tìm hiểu về trường tiểu học	1	19/5 – 23/5/2025		

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHÊ DUYỆT**



Trần Thị Thủy

